

Số: /KH-STP

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2020

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 và những năm tiếp theo

Thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây viết tắt là Nghị định số 30/2020/NĐ-CP) và Văn bản số 15444/UBND-THNC ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập; Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 và những năm tiếp theo như sau:

#### A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung về công tác phòng chống tham nhũng và thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập, góp phần nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế và đẩy lùi tệ nạn tham nhũng.

Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 15444/UBND-THNC ngày 18/12/2020 về việc triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập.

#### B. NỘI DUNG

##### I. KÊ KHAI LẦN ĐẦU

##### 1. Kê khai lần đầu đối với các đối tượng đang công tác

##### 1.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 là các đối tượng được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 gồm: công chức; người giữ chức vụ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp (*danh sách kèm theo*).

##### 1.2. Tài sản, thu nhập phải kê khai

Tài sản, thu nhập phải kê khai theo đúng quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

### **1.3. Mẫu bản kê khai và thời gian thực hiện bản kê khai**

Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập 02 bản kê khai theo Phụ lục I kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

Khi thực hiện kê khai tài sản không tự ý thay đổi trình tự, nội dung của biểu mẫu trừ trường hợp nội dung biểu mẫu quy định cho phép bổ sung và có thể thêm dòng để ghi các thông tin theo từng nội dung quy định. Phải ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Không phải kê khai mục III về “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

Việc kê khai tài sản, thu nhập hoàn thành **trước ngày 31/12/2020**.

### **1.4. Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập**

a) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thực hiện kê khai và gửi bản kê khai tài sản, thu nhập về Văn phòng Sở **trước ngày 31/12/2020**.

b) Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Đồng thời, khi nhận bản kê khai tài sản, thu nhập phải kiểm tra tính đầy đủ về nội dung phải kê khai; trường hợp Bản kê khai chưa đúng quy định (theo mẫu) hoặc không đầy đủ nội dung thì yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai lại hoặc kê khai bổ sung. Thời hạn kê khai lại hoặc kê khai bổ sung là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu (**mẫu 01 kèm theo**).

c) Văn phòng Sở có trách nhiệm rà soát, kiểm tra bản kê khai, lập sổ theo dõi và bàn giao 01 bản kê khai cho Thanh tra tỉnh **trước ngày 20/01/2021 (mẫu số 02 kèm theo)**.

### **1.5. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập**

a) Nội dung công khai: công khai tất cả các Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai.

b) Hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Tư pháp.

c) Thời gian: 15 ngày, kể từ ngày bàn giao 01 Bản kê khai cho Thanh tra tỉnh.

d) Địa điểm niêm yết: Bảng thông báo của Sở Tư pháp.

Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu lập thành biên bản niêm yết, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan và đại diện tổ chức công đoàn.

## **2. kê khai lần đầu cho đối tượng mới sau ngày 31/12/2020**

### **2.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

### **2.2. Tài sản, thu nhập phải kê khai**

Tài sản, thu nhập phải kê khai theo đúng quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

### **2.3. Mẫu bản kê khai và thời gian thực hiện bản kê khai**

Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập 02 bản kê khai theo Phụ lục I kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

Khi thực hiện kê khai tài sản không tự ý thay đổi trình tự, nội dung của biểu mẫu trừ trường hợp nội dung biểu mẫu quy định cho phép bổ sung và có thể thêm dòng để ghi các thông tin theo từng nội dung quy định. Phải ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Không phải kê khai mục III về “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

Việc kê khai tài sản, thu nhập hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

### **2.4. Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập**

a) Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai và gửi bản kê khai tài sản, thu nhập về Văn phòng Sở chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

b) Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Đồng thời, khi nhận bản kê khai tài sản, thu nhập phải kiểm tra tính đầy đủ về nội dung phải kê khai; trường hợp Bản kê khai chưa đúng quy định (theo mẫu) hoặc không đầy đủ nội dung thì yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai lại hoặc kê khai bổ sung. Thời hạn kê khai lại hoặc kê khai bổ sung là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu (**mẫu 01 kèm theo**).

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, Văn phòng Sở có trách nhiệm rà soát, kiểm tra bản kê khai, lập sổ theo dõi và bàn giao 01 bản kê khai cho Thanh tra tỉnh (**mẫu số 02 kèm theo**).

### **2.5. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập**

Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập như điểm 1.5 khoản 1 mục I nêu trên.

## **II. KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI BỔ SUNG** (*bắt đầu thực hiện từ năm 2021*)

### **1. Kê khai hàng năm**

#### **1.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

Việc kê khai hàng năm được quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, cụ thể kê khai hàng năm được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở Tư pháp;
- Người quy định tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, cụ thể:  
+ Các ngạch công chức và chức danh sau: Kế toán viên; Thanh tra viên.

+ Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu công bố danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập **trước ngày 20/12 hàng năm**.

#### **1.2. Biểu mẫu, quy trình, thời gian hoàn thành việc kê khai**

Thực hiện tương tự như đối với việc kê khai lần đầu nêu tại khoản 1 mục I nêu trên.

### **2. Kê khai bổ sung**

#### **2.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên (trừ trường hợp đã kê khai hàng năm theo quy định tại khoản 1 mục II nêu trên).

#### **2.2. Tài sản, thu nhập phải kê khai**

Tài sản, thu nhập phải kê khai theo đúng quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

#### **2.3. Mẫu bản kê khai và thời gian thực hiện bản kê khai**

Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập 02 bản kê khai theo Phụ lục II kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

Việc kê khai tài sản, thu nhập hoàn thành **trước ngày 31/12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập**.

## **2.4. Quy trình, thủ tục thực hiện**

Thực hiện tương tự như đối với việc kê khai lần đầu nêu tại khoản 1 mục I nêu trên.

## **III. KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ**

Kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

1. Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 34 của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

2. Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018. Thời điểm kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.

## **IV. MỘT SỐ LƯU Ý**

1. Ngoài thực hiện theo Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và Kế hoạch này; theo yêu cầu công tác quản lý, công tác cán bộ mà các cơ quan Đảng, Đoàn thể có hướng dẫn bổ sung thì thực hiện theo các quy định đó.

2. Việc kê khai lần đầu theo Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, được hướng dẫn ở mục I văn bản này được xác định là bản kê khai gốc (duy nhất) và rất quan trọng, là cơ sở để phục vụ cho việc kê khai hằng năm, kê khai bổ sung các năm tiếp theo và phục vụ cho việc kiểm soát, xác minh tài sản, thu nhập về sau. Do đó, người có nghĩa vụ kê khai phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình và bị xử lý theo các hình thức đã được quy định rõ trong Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

3. Theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, hàng năm, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập sẽ tiến hành chọn ngẫu nhiên 20% cơ quan, tổ chức, đơn vị và đảm bảo tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hằng năm trong số các cơ quan, tổ chức, đơn vị đó để xác minh theo kế hoạch. Do đó, đề nghị các phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và từng người thuộc đối tượng kê khai phải nghiên cứu kỹ các quy định và thực hiện đầy đủ, chính xác, tránh việc vi phạm, phải xử lý về sau.

4. Việc công khai các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng, trong đó, có quy định về công khai tài sản, thu nhập đã được quy định chi tiết trong Luật

Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Việc vi phạm các quy định sẽ bị xử lý nghiêm với các hình thức cụ thể. Yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các Phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở có trách nhiệm triển khai, thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo nội dung, thời gian theo quy định.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở nghiên cứu quy định về kê khai thu nhập, tài sản theo Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP để triển khai thực hiện hiệu quả.

3. Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Thanh tra Sở chủ trì, ghi chép thu nhận thông tin phản ánh, kiến nghị liên quan đến nội dung bản kê khai, tham mưu lãnh đạo Sở xử lý kiến nghị, phản ánh theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020, yêu cầu các Phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (b/c);
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh (b/c);
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng chuyên môn và tương đương;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Thị Xuân Đào**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH**  
**CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC ĐỐI TƯỢNG**  
**CÓ NGHĨA VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**  
**LẦN ĐẦU NĂM 2020**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STP ngày tháng 12 năm 2020  
của Sở Tư pháp)

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Ban Giám đốc</b>		
1	Võ Thị Xuân Đào	Giám đốc	
2	Ngô Văn Toàn	Phó Giám đốc	
3	Lê Triết Như Vũ	Phó Giám đốc	
4	Phan Quang Tuấn	Phó Giám đốc	
<b>II</b>	<b>Văn phòng Sở</b>		
1	Lê Xuân Quý	Chánh Văn phòng	
2	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Phó Chánh Văn phòng	
3	Nguyễn Thị Hồng Phước	Phó Chánh Văn phòng	
4	Lê Đạt Trường Sơn	Chuyên viên	
5	Phạm Thị Hạnh	Chuyên viên	
6	Huỳnh Thị Thanh Hiếu	Chuyên viên	
7	Lê Thị Hằng Nga	Chuyên viên	
8	Lê Thị Ngọc Hà	Chuyên viên	
9	Nguyễn Thị Phúc	Chuyên viên	
<b>III</b>	<b>Thanh Tra Sở</b>		
1	Hồ Quốc Lâm	Chánh Thanh tra	
2	Nguyễn Tấn Khương	Phó Chánh Thanh tra	
3	Tô Đình Tinh	Phó Chánh Thanh tra	
4	Nguyễn Văn Tấn	Chuyên viên	
5	Nguyễn Hoàng Cường	Chuyên viên	
6	Phạm Thị Xuân Hương	Chuyên viên	
<b>IV</b>	<b>Phòng Hành chính và Hỗ trợ Tư pháp</b>		
1	Trần Trung Nhân	Trưởng phòng	
2	Từ Đình Khôi	Phó Trưởng phòng	
3	Phạm Đình Thụ	Chuyên viên	
4	Đình Thị Hoàng Ngoan	Chuyên viên	
5	Trần Thị Đức	Chuyên viên	
6	Phan Thị Phương	Chuyên viên	
7	Vũ Thị Hồng Hà	Chuyên viên	
<b>V</b>	<b>Phòng Xây dựng và Phổ biến, giáo dục pháp luật</b>		
1	Đỗ Thị Anh Đào	Phó Trưởng phòng phụ trách điều hành Phòng	
2	Phạm Thị Bình	Chuyên viên	
3	Nguyễn Thị Hải	Chuyên viên	
4	Huỳnh Thanh Sơn	Chuyên viên	
5	Đông Thị Hoa	Chuyên viên	
6	Đào Tiến Lâm	Chuyên viên	
<b>VI</b>	<b>Trung tâm Đấu giá tài sản</b>		

1	Phan Thị Xuân Đào	Phó Giám đốc phụ trách điều hành Trung tâm	
<b>VII</b>	<b>Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước</b>		
1	Lê Quang Vinh	Giám đốc	
<b>VIII</b>	<b>Phòng Công chứng số 1</b>		
1	Phạm Thị Minh Thùy	Công chứng viên phụ trách Phòng	
<b>IX</b>	<b>Phòng Công chứng số 3</b>		
1	Nguyễn Thị Nguyệt	Trưởng phòng	
<b>X</b>	<b>Phòng Công chứng số 4</b>		
1	Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng phòng	